

Số: 2694/QĐ – UBND

Quận 8, ngày 28 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500
Khu dân cư – Thương mại Bình Đăng, Phường 6 Quận 8 do Công ty Cổ phần
Địa ốc Chợ Lớn làm chủ đầu tư.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2005 của Bộ Xây dựng về Ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng về Ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5651/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5123/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 6 Quận 8 (Quy hoạch sử dụng đất - Kiến trúc - Giao thông);

Căn cứ Quyết định số 4113/QĐ-SQHKT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc Ban hành qui định Quản lý theo Đồ án QH chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phường 6 Quận 8 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5123/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 (nội dung Quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) và Quyết định số 7045/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 (nội dung hạ tầng kỹ thuật);

Căn cứ Quyết định số 581/TTg ngày 18 tháng 9 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư Khu dân cư Bình Đăng Quận 8 thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/TTg ngày 26 tháng 01 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất cho Công ty Xây dựng và Dịch vụ nhà Quận 8 để xây dựng khu dân cư tại Phường 5 và Phường 6 Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 18249/KTST-QH ngày 19 tháng 12 năm 1998 của Kiến trúc sư Trường Thành phố về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô tỷ lệ 1/500 khu nhà ở Bình Đăng Phường 6 Quận 8;

Căn cứ văn bản số 8922/KTST-KT ngày 09 tháng 8 năm 2000 của Kiến trúc sư Trường Thành phố về việc xác nhận một số công trình xây dựng hoàn thành theo quy hoạch trong khu dân cư Bình Đăng Phường 6 Quận 8;

Căn cứ Tờ trình số 02/VT ngày 02 tháng 3 năm 2000 của Công ty Xây dựng và Dịch vụ nhà Quận 8 (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn) về việc tái bố trí cho 03 hộ có nhà nằm trong khu vực giải tỏa Đường số 6 và Đường số 11 Khu dân cư Thương mại Bình Đăng, được Ủy ban nhân dân Quận 8 chấp thuận;

Căn cứ Biên bản số 16/BB-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch Quận 8 nghe báo cáo Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - Thương mại Bình Đăng Phường 6 Quận 8 do Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn làm chủ đầu tư;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn tại Văn bản số 32/CV ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc đề nghị phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Dân cư - Thương mại Bình Đăng tại Phường 6 Quận 8; đính kèm hồ sơ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 do Công ty cổ phần Đầu tư Dương Sinh Bảo lập tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Dân cư - Thương mại Bình Đăng, Phường 6 Quận 8 do Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực quy hoạch: **66.414,5m²**;
- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:
 - + Đông giáp : Đường Liên Tỉnh 5;
 - + Tây giáp : Đường số 6;
 - + Nam giáp : huyện Bình Chánh;
 - + Bắc giáp : Đường số 1.

2. Lý do và nội dung điều chỉnh:

- Dự án Khu dân cư Bình Đăng Phường 6 Quận 8 đã được Kiến trúc sư trưởng TP.HCM duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết phân lô tại Văn bản số 18249/KTST.QH ngày 19 tháng 12 năm 1998 với diện tích 60.414m². Hiện nay sau khi đo đạc chính xác là 71.021m² do phải tính thêm diện tích giao thông của nguyên Đường số 1 và Đường số 6. Trước đây ranh giao đất là tìm đường, nay toàn bộ lộ giới các tuyến đường này đã được chủ đầu tư bồi thường và thực hiện hoàn chỉnh đúng lộ giới;

- Đường số 11 là phần giáp ranh giữa Quận 8 và Quận Bình Chánh có sự chồng lấn diện tích đất do biến động sử dụng đất từ những năm 1999-2000, nay điều chỉnh theo ranh hiện trạng.

- Điều chỉnh một căn trong cụm nhà vườn tại đường số 6 thành 04 căn nhà phố để giải quyết tái định cư tại chỗ theo Tờ trình số 02/VT ngày 02 tháng 03 năm 2000 và được Ủy ban nhân dân Quận 8 chấp thuận.

- Một phần dự án là Khu thương mại dịch vụ – căn hộ Bình đăng với diện tích là: 4.606,5m² được giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng thương mại Sài Gòn 5 làm chủ đầu tư, được Ủy ban nhân dân Quận 8 thỏa thuận Quy hoạch Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc tại Văn bản số 3145/UBND-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Do đó diện tích đất phù hợp đề nghị điều chỉnh là: **66.414,5m²**.

3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu quy hoạch là **66.414,5m²**, bình quân 44,16m²/người.

Cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất ở : 22.823m², chiếm 34,36%, (15,17m²/người);
- Đất CT công cộng : 2.489m², chiếm 3,75%, (1,65m²/người);
- Đất giao thông : 32.730,5m², chiếm 49,28%, (21,76m²/người);
- Đất cây xanh : 8.372m², chiếm 12,61%, (5,56m²/người).

TT	Loại đất	Đồ án được duyệt theo Quyết định số 18249/KTST-QH ngày 19/12/1998			Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch (2018)		
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /ng)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /ng)
1	Đất ở	22.266	36,85%	14,92	22.823	34,36%	15,17
1.1	Chung cư	3.250	5,4%	2,18	3.250	4,9%	2,16
1.2	Nhà ở thấp tầng	19.016	31,45%	12,74	19.573	29,46%	13,01
2	Đất công trình công cộng	14.265	23,61%	9,56	2.489	3,75%	1,65
3	Đất giao thông	11.042	18,27%	7,4	32.730,5	49,28%	21,76
4	Đất cây xanh	12.841	21,27%	8,6	8.372	12,61%	5,56
	Tổng diện tích đất quy hoạch	60.414	100,00%	40,49	66.414,5	100,00%	44,16

4. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc toàn khu:

TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đồ án được duyệt theo Quyết định số 18249/KTST-QH ngày 19/12/1998	Đồ án quy hoạch mới 2018
1	Quy mô dân số	người	1.492	1.504
2	Mật độ xây dựng	%	32,2%	30,26%
3	Hệ số sử dụng đất toàn khu	Lần	1,32	1,16
4	Tầng cao xây dựng	Tầng	Tối đa 05 tầng	Tối đa 05 tầng
	- Nhà liên kế	Tầng	3 ÷ 4 tầng	3 ÷ 4 tầng
	- Chung cư	Tầng	05 tầng	05 tầng
	- Công trình công cộng	Tầng	1 ÷ 2 tầng	3 ÷ 4 tầng
5	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m ² /người	14,92	15,17
5.1	Đất ở	m ² /người	14,92	15,175
	- Chung cư	m ² /người	2,18	2,16
	- Nhà liên kế	m ² /người	12,74	13,01
5.2	Đất công trình công cộng	m ² /người	9,56	1,65
5.3	Đất cây xanh	m ² /người	8,6	5,56
5.4	Đất giao thông	m ² /người	7,4	21,76
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	- Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200	200

- Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	200	200
- Tiêu chuẩn rác thải và VSMT	kg/người/ngày	1,2	1,2

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc cho các hạng mục công trình trong khu quy hoạch:

4.2.1. Nhà ở:

Tổng số căn hộ : 376 căn.

- Chung cư : 140 căn.

- Nhà liên kế : 236 căn.

a. Nhà ở chung cư: (lô A và lô B):

Chung cư lô A:

- Diện tích xây dựng : 1.250m²;
- Mật độ xây dựng : 1,9%;
- Diện tích sàn xây dựng : 6.250m²;
- Tầng cao : 05 tầng;
- Số căn hộ : 40 căn;
- Dân số : 160 người.

Chung cư lô B:

- Diện tích xây dựng : 2.000m²;
- Mật độ xây dựng : 3,01%;
- Diện tích sàn xây dựng : 10.000m²;
- Tầng cao : 05 tầng;
- Số căn hộ : 100 căn;
- Dân số : 400 người.

b. Khu ở thấp tầng:

- Khu nhà ở biệt thự (8m x20m):

- + Diện tích đất : 1.300,96m²;
- + Diện tích xây dựng : 707,58m²;
- + Tầng cao : 02 ÷ 03 tầng;
- + Số lượng : 08 căn;
- + Dân số : 32 người.

- Khu nhà ở biệt thự (8m x21m):

- + Diện tích đất : 1.520,12m²;

+ Diện tích xây dựng	: 791,65m ² ;
+ Tầng cao	: 02 ÷ 03 tầng;
+ Số lượng	: 09 căn;
+ Dân số	: 36 người

- Khu nhà vườn (12m x16m):

+ Diện tích đất	: 2.205,32m ² ;
+ Diện tích xây dựng	: 880m ² ;
+ Tầng cao	: 02 ÷ 03 tầng;
+ Số lượng	: 11 căn;
+ Dân số	: 44 người

- Khu nhà ở liên kế A (4m x20m):

+ Diện tích đất	: 4.030,96m ² ;
+ Diện tích xây dựng	: 4.030,7m ² ;
+ Tầng cao	: 04 tầng;
+ Số lượng	: 50 căn;
+ Dân số	: 200 người

- Khu nhà ở liên kế B (4m x16m):

+ Diện tích đất	: 10.183,94m ² ;
+ Diện tích xây dựng	: 10.152,58m ² ;
+ Tầng cao	: 04 tầng;
+ Số lượng	: 154 căn;
+ Dân số	: 616 người

- Khu nhà ở liên kế C (4m x16m): (bổ sung điều chỉnh).

+ Diện tích đất	: 331,63m ² ;
+ Diện tích xây dựng	: 256m ² ;
+ Tầng cao	: 04 tầng;
+ Số lượng	: 04 căn;
+ Dân số	: 16 người

4.2.2. Công trình công cộng, dịch vụ đô thị:

Trường mầm non:

- Diện tích đất	: 1.350m ² ;
- Diện tích xây dựng	: 536m ² ;
- Tầng cao xây dựng	: 04 tầng.

Khu Thể dục thể thao: (sân tennis).

- Diện tích đất : 1.1390m²;

4.2.3. Công viên cây xanh : 8.372m²;

4.2.4. Giao thông : 32.730,5m².

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch giao thông:

- Thống nhất sơ đồ tổ chức mạng lưới đường và định hướng kết nối với các tuyến đường khu vực. Mạng lưới giao thông: được thiết kế trên cơ sở định hình theo các tuyến giao thông đã được phê duyệt của Phường 6 cũng như của khu vực, gồm:

+ Tuyến đường Tạ Quang Bửu, lộ giới 32m (trong phạm vi dự án);

+ Tuyến đường Quốc lộ 50, lộ giới 40m (ngoài phạm vi dự án).

- Thống nhất quy hoạch lộ giới các tuyến đường nội bộ trong khu quy hoạch:

TT	Tên đường	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang (m)		
			Lề trái	Lòng đường	Lề phải
1	ĐƯỜNG TQB	32	8	16	8
2	ĐƯỜNG SỐ 2	16	4	8	4
3	ĐƯỜNG SỐ 4	14	4	6	4
4	ĐƯỜNG SỐ 6	20	4	12	4
5	ĐƯỜNG SỐ 1	20	4	12	4
6	ĐƯỜNG SỐ 5	20	5	10	5
7	ĐƯỜNG SỐ 7	20	5	10	5
8	ĐƯỜNG SỐ 9	14	2	8	4

Lưu ý:

- Bán kính cong tại các giao lộ của bó vỉa phải đảm bảo theo quy định;

- Thể hiện tọa độ thiết kế (VN2000) tại các vị trí có thay đổi hướng và tại các giao lộ;

- Đề xuất giải pháp kết cấu của đường giao thông và các công trình phục vụ giao thông, vỉa hè nên chọn kết cấu có thể tự thấm nước mưa và kết hợp thảm cỏ, hoa...

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. Giải pháp quy hoạch chiều cao:

- Giải pháp chính áp dụng là đắp nền tạo mặt bằng xây dựng trên toàn bộ diện tích của dự án;

- Chọn cao độ xây dựng (∇_{xd}): $\nabla_{xd} \geq 2,0$;
- Độ dốc nền đắp:
 - + Khu công trình công cộng và khu ở : $\geq 0,4\%$;
 - + Khu công viên cây xanh : $\geq 0,3\%$;
- Hướng đồ dốc từ giữa các tiểu khu ra chung quanh;
- Đường giao thông nội bộ: Độ dốc dọc $0,5\%$; độ dốc ngang 2% ;
- Chiều cao bó vỉa so với đường : $0,20m$.

b. Giải pháp quy hoạch thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để, tránh ngập úng cục bộ;
- Hướng thoát: Về phía tuyến cống dọc đường Quốc lộ 50 và đường Tạ Quang Bửu;
- Cống thoát nước được bố trí dọc theo các trục đường giao thông nội bộ và có tim cống cách lề $0,5m$;
- Nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh và có độ sâu chôn cống tối thiểu là $0,7m$;
- Tính toán lưu lượng nước mưa thoát theo phương pháp cường độ mưa giới hạn với hệ số dòng chảy được tính theo phương pháp trung bình;

Lưu ý:

- Khu vực đô thị chọn chu kỳ tràn cống $T \geq 3$ năm;
- Đối với các thông số kỹ thuật mạng lưới chi tiết (như độ sâu chôn cống tại vị trí các hố ga, độ dốc cống...) và vị trí đặt đầu nổi cụ thể vào hệ thống thoát của dự án cải thiện môi trường nước, dự án cần hoàn chỉnh thêm trong các giai đoạn thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật tiếp theo và được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước:
 - + Sinh hoạt dân cư : $200 \text{ lít/người/ngày}$;
 - + Sinh hoạt khách vãng lai : $30 \text{ lít/người/ngày}$;
 - + Dịch vụ công cộng + thương mại: $20 \text{ lít/người/ngày}$;
 - + Tưới cây, rửa đường : $20 \text{ lít/người/ngày}$;
 - + Nước chữa cháy : $15l/s \times 3h \times 02$ đám cháy xảy ra đồng thời.
- Hệ số dùng nước không điều hòa K ngày: $1,2$; K giờ: $1,4$;
- Nước rò rỉ thất thoát $20\% \sum Q$ cấp;
- Tổng công suất Q cấp toàn khu cho phù hợp.

- Nguồn nước cấp từ ống trên đường Quốc lộ 50 và Tạ Quang Bửu thuộc hệ thống cấp nước nhà máy nước sông Thành phố. Mạng lưới đường ống quy hoạch mới trong khu dân cư tạo thành mạng vòng đảm bảo lưu lượng và áp lực nước.

- Bố trí các trụ chữa cháy $\varnothing 150$ cách khoảng 100 – 150m cho xe cứu hỏa sử dụng.

- Độ sâu chôn ống từ đỉnh ống đến mặt đất thiết kế $\geq 0,7$ m.

Lưu ý:

Đối với các thông số kỹ thuật mạng lưới chi tiết (như độ sâu chôn ống, độ dốc ống, vị trí – quy mô bể chứa nước ngầm, bể nước phòng cháy chữa cháy...) và vị trí đầu nối cụ thể vào hệ thống cấp nước khu vực, dự án cần hoàn chỉnh thêm trong các giai đoạn thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật tiếp theo và được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

5.4. Quy hoạch cấp điện:

- Khu dân cư được cấp điện từ trạm Phú Định (đường Tạ Quang Bửu) hiện hữu, nhận điện qua tuyến trung thế 15-22KV hiện chạy dọc đường Quốc lộ 50 và Tạ Quang Bửu;

- Xây dựng mới mạng nhánh rẽ trung thế 22KV, nối từ tuyến trung thế hiện hữu dọc Quốc lộ 50 và Tạ Quang Bửu, dẫn vào khu nhà ở cấp điện cho trạm biến thế phân phối 15-22KV/0,4KV, dùng cáp đồng bọc cách điện XLPE-24KV chôn ngầm;

- Mạng hạ thế cấp điện cho các nhà liên kế vườn, chung cư, chiếu sáng lối đi, công viên, bãi cỏ dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm để đảm bảo mỹ quan và an toàn cho khu vực;

- Hệ thống chiếu sáng giao thông, công trình công cộng sử dụng đèn cao áp Sodium 150 – 250W/220V, đặt trên trụ thép tráng kẽm.

Lưu ý:

Đề nghị bổ sung nguồn điện dự phòng cho khu quy hoạch.

5.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch thoát nước bản:

Tiêu chuẩn thoát nước: (TCVN6982-2001 và QCXDVN 01-2008 BXD)

- Nước thải sinh hoạt dân cư : 200 lít/người/ngày;

- Nước thải sinh hoạt khách vãng lai : 30 lít/người/ngày;

- Nước thải dịch vụ CC và thương mại : 30 lít/người/ngày;

- Tỷ lệ thoát nước lấy theo số dân cư được cấp nước: 100%

- Tỷ lệ thu gom nước bản lấy 85% $\sum Q_t$

- Hệ số thoát nước ngày cao điểm: Kngày :1,3; Kgiờ: 1,5;

- Tổng lưu lượng Q thoát Max toàn khu cho phù hợp;



- Nước thải sinh hoạt phải sử lý sơ bộ bằng bể tự hoại từ bên trong mỗi ngôi nhà trước khi xả vào cống góp riêng dẫn về trạm xử lý cục bộ;

- Mạng lưới cống thoát loại tròn bê tông cốt thép chôn ngầm gồm Ø400-Ø300 với độ sâu chôn cống tính từ đỉnh cống đến mặt đất thiết kế $\geq 0,70\text{m}$;

b. Vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt : $1,0 \div 1,2 \text{ kg/người/ngày}$;

- Xác định tổng lượng rác thải sinh hoạt toàn khu cho phù hợp;

- Thu gom và vận chuyển rác trong ngày. Rác thải hữu cơ và vô cơ phải được phân loại tại mỗi hộ dân và vận chuyển bằng xe chuyên dùng đến khu xử lý rác xã Đa Phước, huyện Bình Chánh.

Điều 2. Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Quản lý đô thị Quận 8, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8, Ủy ban nhân dân Phường 6 Quận 8 và các Sở ngành thành phố để tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, quản lý, đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng phòng Quản lý đô thị Quận 8, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 6 Quận 8 và Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP (thay b/cáo);
- Sở QHKT TP;
- Sở XD TP;
- TT: QU-UBND Q8;
- VP (C, PVP, NCTH); *Lam*
- Lưu: VT. *Lam*

12

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



[Signature]
Lê Quỳnh Đài